|  |  |
| --- | --- |
| **<h1> to < h6>** | Kích cỡ của tiêu đề để cho thấy tiêu đề nào quan trọng hơn |
| **<p> </p>** | Để hiển thị các đoạn văn |
| **<a> </a>** | Để gắn các đường link.  Thuộc hreftính chỉ định URL của trang mà liên kết chuyển đến  Đích của liên kết được chỉ định trong hrefthuộc tính.  Các thuộc tính được sử dụng để cung cấp thông tin bổ sung về các phần tử HTML. |
| **<img>**  **Image: hình ảnh** | Để gắn ảnh vào HTML  Tệp nguồn ( src), văn bản thay thế ( alt) widthvà heightđược cung cấp dưới dạng các thuộc tính:  -Thuộc srctính chỉ định đường dẫn đến hình ảnh sẽ được hiển thị  -Thuộc tính bắt buộc altcho <img> thẻ chỉ định văn bản thay thế cho hình ảnh, nếu hình ảnh vì lý do nào đó không thể hiển thị. Điều này có thể do kết nối chậm hoặc lỗi trong srcthuộc tính hoặc nếu người dùng sử dụng trình đọc màn hình. |
| Width  Chiều rộng | Chỉ định chiều rộng của hình ảnh (tính bằng pixel) |
| Height  Chiều cao | Chỉ định chiều cao của hình ảnh (tính bằng pixel) |
| Styple  Phong cách | Thuộc styletính được sử dụng để thêm kiểu vào một phần tử, chẳng hạn như màu sắc, phông chữ, kích thước, v.v. |
| Lang  Language: ngôn ngữ | Bạn phải luôn bao gồm langthuộc tính bên trong <html>thẻ, để khai báo ngôn ngữ của trang Web. Điều này có nghĩa là để hỗ trợ các công cụ tìm kiếm và trình duyệt.  Mã quốc gia cũng có thể được thêm vào mã ngôn ngữ trong lang thuộc tính. Vì vậy, hai ký tự đầu tiên xác định ngôn ngữ của trang HTML và hai ký tự cuối cùng xác định quốc gia. |
| Title  Tiêu đề | Thuộc titletính xác định một số thông tin bổ sung về một phần tử.  Giá trị của thuộc tính title sẽ được hiển thị dưới dạng chú giải công cụ khi bạn di chuột qua phần tử: |
|  |  |